

THẺ THANH TOÁN				
Danh mục phí	Thẻ nội địa		Thẻ quốc tế	
	Plus	Visa	UnionPay	Imperial
Phí thường niên				
Thẻ chuẩn	99.000	149.000	99.000	-
Thẻ vàng	-	249.000	-	-
Thẻ Platinum	-	-	-	599.000
Phí rút tiền mặt tại ATM có logo:				
Sacombank (Việt Nam/Lào)	Miễn phí			
Banknetvn / Smartlink / VNBC	6.000	Không áp dụng		
Sacombank (Campuchia)	4% (tối thiểu 60.000)			
Plus / Visa / UnionPay				
Phí rút tiền mặt tại POS có logo:				
Sacombank	Miễn phí			
Visa	Không áp dụng	4% (tối thiểu 60.000)	Không áp dụng	4% (tối thiểu 60.000)
Phí chuyển khoản trong hệ thống Sacombank tại ATM có logo:				
Sacombank	2.000			
Banknetvn / Smartlink / VNBC	2.000	Không áp dụng		
Phí tra cứu số dư tại ATM có logo:				
Sacombank	Miễn phí			
Banknetvn / Smartlink / VNBC	2.000	Không áp dụng		
Plus/Visa/UnionPay	8.000			
Phí tra cứu giao dịch tại ATM có logo:				
Sacombank	1.000			
Banknetvn/Smartlink/VNBC	2.000	Không áp dụng		
Phí thay thế thẻ	49.000	99.000	49.000	199.000
Phí tra cứu số dư tại POS có logo:				
Banknetvn/Smartlink/VNBC	2.000	Không áp dụng		
Phí thanh toán dư nợ thẻ tín dụng tại ATM Sacombank				
2.000				
Phí giao dịch ngoại tệ				
3% số tiền giao dịch				
Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch				
80.000				
Phí cấp lại PIN				
20.000				
Phí khiếu nại sai				
80.000				
Phí dịch vụ đặc biệt				
100.000				
Phí nộp tiền mặt tại ATM Sacombank vào:				
Thẻ đang giao dịch tại ATM	Miễn phí			
Thẻ tín dụng	2.000			
Thẻ/Tài khoản khác	0,02% số tiền giao dịch (tối thiểu 5.000)			
Phí chuyển tiền đến thẻ ngân hàng khác tại ATM Sacombank				
5.000				

THẺ TRẢ TRƯỚC				
Danh mục phí	Lucky Gift	All For You	UnionPay	Vinamilk
Phí phát hành	29.000	49.000	20.000	-
Phí thường niên	Không áp dụng			45.000
Phí rút tiền mặt tại ATM có logo:				
Sacombank (Việt Nam/Lào)	Miễn phí			
Banknetvn / Smartlink / VNBC	Không áp dụng			3.300
Sacombank (Campuchia)	3% (tối thiểu 50.000)			
Plus / Visa / UnionPay				
Phí rút tiền mặt tại POS có logo:				
Sacombank	2.000			Miễn phí
Visa	3% (tối thiểu 50.000)	Không áp dụng		
Phí tra cứu số dư tại ATM có logo:				
Sacombank	Miễn phí			
Banknetvn / Smartlink / VNBC	Không áp dụng			1.650
Plus / Visa / UnionPay	8.000			
Phí tra cứu giao dịch tại ATM có logo:				
Sacombank	1.000			
Banknetvn / Smartlink / VNBC	Không áp dụng			1.650
Phí giao dịch ngoại tệ	1% số tiền giao dịch		Không áp dụng	
Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch	20.000		10.000	
Phí thay thế thẻ	Không áp dụng		20.000	
Phí cấp lại PIN	20.000		10.000	
Phí khiếu nại sai	20.000			
Phí dịch vụ đặc biệt	50.000		20.000	
Phí hoàn lại số dư	5% số dư (tối thiểu 10.000)		10.000	
Phí nộp tiền mặt tại ATM Sacombank vào:				
Thẻ đang giao dịch tại ATM	Miễn phí			
Thẻ tín dụng	2.000			
Thẻ/Tài khoản khác	0,02% số tiền giao dịch (tối thiểu 5.000)			
THẺ TÍN DỤNG FAMILY				
Danh mục phí	Mức phí			
Phí thường niên	200.000			
Phí rút tiền mặt tại ATM có logo:				
Sacombank	Miễn phí			
Banknetvn/Smartlink/VNBC	1% (tối thiểu 10.000)			
Plus	4% (tối thiểu 60.000)			
Phí rút tiền mặt tại POS Sacombank				
Miễn phí				
Lãi suất tháng	Thế chấp: 1.92%		Tín chấp: 2.75%	
Phí giao dịch ngoại tệ				
3% số tiền giao dịch				
Phí vượt quá hạn mức				
0,075%/ngày (tối thiểu 50.000)				
Phí tra cứu số dư tại ATM có logo:				
Sacombank	Miễn phí			
Banknetvn/Smartlink/VNBC	2.000			
Plus	8.000			
Phí tra cứu giao dịch tại ATM có logo:				
Sacombank	1.000			
Banknetvn/Smartlink/VNBC	2.000			
Phí cấp lại PIN	50.000			
Phí chậm thanh toán	6% số tiền chậm thanh toán (tối thiểu 80.000)			
Phí thay đổi hạn mức tín dụng	100.000			
Phí thay thế thẻ	99.000			
Phí mất thẻ và thay thế thẻ	199.000			
Phí khiếu nại sai	100.000			
Phí dịch vụ đặc biệt	100.000			
Phí cấp bản sao thông báo giao dịch	50.000			
Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch	100.000			
Khoản thanh toán tối thiểu	3% số dư nợ cuối kỳ (tối thiểu 500.000) cộng với khoản nợ quá hạn và khoản vượt hạn mức tín dụng			
Phí nộp tiền mặt tại ATM Sacombank vào:				
Thẻ đang giao dịch tại ATM	Miễn phí			
Thẻ tín dụng khác	2.000			
Thẻ/tài khoản khác	0,02% số tiền giao dịch (tối thiểu 5.000)			

THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ		
PHÍ THƯỜNG NIÊN		
Loại thẻ	Thẻ chính	Thẻ phụ
Platinum	999.000	899.000
Visa vàng / Master vàng	399.000	299.000
Visa chuẩn / Master chuẩn	299.000	199.000
Ladies First	299.000	199.000
Parkson Privilege	399.000	299.000
OS Member	299.000	199.000
Citimart	299.000	199.000
UnionPay	299.000	199.000
CÁC PHÍ KHÁC		
Phí rút tiền mặt	4% (tối thiểu 60.000)	
Phí tra cứu số dư		
Tại ATM Sacombank	Miễn phí	
Tại ATM khác	8.000	
Phí tra cứu giao dịch tại ATM Sacombank		
1.000		
Lãi suất tháng		
2,15%		
Phí giao dịch ngoại tệ		
3% số tiền giao dịch		
Phí cấp lại PIN		
50.000		
Phí chậm thanh toán		
6% số tiền chậm thanh toán (tối thiểu 80.000)		
Phí vượt quá hạn mức		
0,075%/ngày (tối thiểu 50.000)		
Phí thay đổi hạn mức tín dụng		
100.000		
Phí thay thế thẻ		
99.000		
Phí mất thẻ và thay thế thẻ		
199.000		
Phí thay đổi loại thẻ		
200.000		
Phí khiếu nại sai		
100.000		
Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch		
100.000		
Phí dịch vụ đặc biệt		
100.000		
Phí cấp bản sao thông báo giao dịch		
50.000		
Khoản thanh toán tối thiểu		
5% số dư nợ cuối kỳ (tối thiểu 100.000) cộng với khoản nợ quá hạn và khoản vượt hạn mức tín dụng		
Phí nộp tiền mặt tại ATM Sacombank vào:		
Thẻ đang giao dịch tại ATM	Miễn phí	
Thẻ tín dụng khác	2.000	
Thẻ/tài khoản khác	0,02% số tiền giao dịch (tối thiểu 5.000)	